

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM GIỮ GÌN VÀ PHÁT HUY BẢN SẮC VĂN HOÁ DÂN TỘC TRONG SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ Ở MIỀN NÚI - DÂN TỘC THIỂU SỐ

BÙI XUÂN TRƯỜNG

Bảo tồn và phát huy những tinh hoa trong bản sắc dân tộc là trung tâm của chính sách dân tộc về lĩnh vực văn hoá. Bảo tồn văn hoá về cơ bản có hai biện pháp: Một là giữ lại nguyên mẫu một hiện vật hay hiện tượng nào đó bằng cách mô tả, giới thiệu trên sách báo, băng hình, giữ gìn hiện vật gốc trong bảo tàng. Đó là cách bảo tồn tĩnh. Hai là, bảo tồn văn hoá trong đời sống xã hội của cộng đồng, tức là bảo tồn động, nó luôn luôn chịu sự tác động của môi trường thiên nhiên và môi trường xã hội, vì vậy tiếp tục vận động, biến đổi và phát triển. Chỉ có bảo tồn văn hoá trong đời sống như vậy, thì nó mới thực sự được phát huy và trở thành nhân tố của sự phát triển.

Nói tới phát huy tinh hoa trong bản sắc văn hoá, tức là coi bản sắc văn hoá tốt đẹp của mỗi dân tộc như một trong những động lực thúc đẩy sự phát triển xã hội.

Tuy nhiên, với xã hội công nghiệp hoá, hiện đại hoá ngày nay, không phải bản sắc, giá trị văn hoá nào cũng thích hợp, cũng có thể phát huy tác dụng để thúc đẩy sự phát triển xã hội. Nói phát huy bản sắc văn hoá thì trước tiên phải xuất phát từ yêu cầu của sự phát triển ngày nay mà xem xét và lựa chọn. Bởi thế, bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc cần nắm vững những quan điểm sau đây:

a. Quan triết tư tưởng Việt Nam là quốc gia đa dân tộc (tộc người), nền văn hoá Việt Nam thống nhất trong sự đa dạng các sắc thái, bản sắc của nhiều tộc người. Đây là luận điểm quan trọng nhất, cơ bản nhất trong chính sách dân tộc về văn hoá; nhiều vấn đề khác về văn hoá dân tộc cũng phải xuất phát từ luận điểm chung này.

Các dân tộc ở Việt Nam dù dân số đông như người Kinh, hay chỉ mấy trăm người như người Rơ măm, Ôđù... cũng là những tộc người riêng, có ý thức tự giác, có những truyền thống và sắc thái văn hoá riêng, họ tự hào về nền văn hoá của mình, và nhà nước có trách nhiệm bảo vệ và phát triển các giá trị văn hoá của mỗi tộc người đó.

Điều quan trọng cần khắc phục hai khuynh hướng cực đoan: 1/ Nhất thể hoá văn hoá Việt Nam, điều này trái với thực tế phát triển của lịch sử Việt Nam, vừa siêu hình trong nhận thức luận, thiếu tính biện chứng giữa cái chung và cái riêng; 2/ Khuynh hướng chỉ thấy cái riêng, phủ nhận sự hiện diện của một nền văn hoá Việt Nam đa bản sắc nhưng lại thống nhất. Về phương diện văn hoá, sự đa dạng sắc thái là một thế mạnh, ưu trội, chứa đựng nhiều sức sống và tiềm năng. Về phương diện chính trị, kinh tế xã hội, tính thống nhất lại là một ưu thế, làm nên sự ổn định và phát triển xã hội.

Tinh thần bao dung được coi là tinh thần cơ bản của văn hoá nhân loại thời đại ngày nay, được Hội đồng UNESCO đề xướng. Tinh thần bao dung văn hoá cao hơn tính cố chấp của tôn giáo, có cơ sở triết học là sự ý thức về người khác, đó là ý thức tôn trọng những khác biệt của kẻ khác, để kẻ khác tôn trọng sự khác biệt của ta. Tinh thần bao dung văn hoá phù hợp với truyền thống văn hoá Việt Nam.

b. Tinh hoa văn hoá, bản sắc văn hoá là phần cốt lõi, tinh tuý nhất của từng dân tộc, hình thành và định hình trong quá trình phát triển lâu dài của dân tộc, là kết quả của quá trình cộng đồng thích ứng với môi trường tự nhiên, thích ứng với những bước tiến của kỹ thuật và đời sống kinh tế.

Từ đó việc chăm lo, phát triển dân tộc phải bao gồm chăm lo phát triển văn hoá, thấy trước những biến động của văn hoá và hướng nó theo đúng quy luật phát triển.

Bản sắc văn hoá Việt Nam truyền thống xây dựng trên cơ sở đề cao tính cộng đồng, sức mạnh cố kết dân tộc, nhưng chưa chú ý đến ý thức cá nhân về cá tính. Ngày nay văn hoá mới không chỉ vì hạnh phúc chung của toàn xã hội của cộng đồng, mà còn phải vì hạnh phúc trực tiếp của mỗi cá nhân. Bản sắc văn hoá Việt Nam, không chỉ bồi đắp giá trị chung của cả cộng đồng, mà nó phải được tô đẹp thêm bởi giá trị riêng của mỗi cá nhân. Từ đó dẫn tới xác định chủ thể của nền văn hoá mới, theo một tinh thần mới: nhân dân lao động cùng đội ngũ trí thức của mỗi dân tộc là người sáng tạo những giá trị văn hoá, đồng thời là người được hưởng thụ những thành quả đó. Nền văn hoá dân tộc phải bao gồm cả dòng văn hoá dân gian (của quần chúng) và dòng văn hoá bác học, văn hoá đỉnh cao của những nhà trí thức của dân tộc. Vì vậy, muốn xây dựng nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, phải "bảo đảm dân chủ tự do cho mọi sự sáng tạo và hoạt động văn hoá, vun đắp các tài năng, đồng thời đề cao trách nhiệm của văn nghệ đi trước công chúng, dân tộc và thời đại"(1).

Bản sắc nền văn hoá mới Việt Nam cần thiết phải khẳng định giá trị dân chủ: tôn trọng cá tính, giữ gìn bản sắc cá nhân, đáp ứng nhu cầu tự do của nhân cách. Tôn trọng tự do sáng tạo của các nhà văn hoá, tạo điều kiện cần thiết cho sự ra đời của những giá trị văn hoá có bản sắc, có cá tính.

Từ đó quan niệm về xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, cần được hiểu tiên tiến không chỉ ở lý tưởng chính trị - xã hội, hệ tư tưởng của nó mà phải có cơ sở khoa học - kỹ thuật - công nghệ định hướng và làm tiền đề cho nó xuất hiện. Do vậy bản sắc dân tộc của văn hoá không phải chỉ là cái đã có, cái khác lạ đối với văn hoá dân tộc khác và nhân loại. Bản sắc dân tộc của nền văn hoá mới được hình thành trên cơ sở nền tảng truyền thống được kế thừa và phát triển phong phú phù hợp với sự biến đổi của con người và xã hội trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá ngày nay.

Công nghiệp hoá, hiện đại hoá thực chất mang ý nghĩa một cuộc vận động văn hoá lớn diễn ra trên tất cả các lĩnh vực của sản xuất và đời sống. Trong công nghiệp hoá có tri thức, kỹ thuật về khoa học, công nghệ và kỹ thuật, về tổ chức, quản lý và dịch vụ. Bên trong là cả một mạng lưới, một hệ thống văn hoá ở trình độ chuyên môn và chính xác cao.

Công nghệ được coi là một tổ hợp gồm 4 thành phần tác động qua lại nhau:

- Thành phần trang thiết bị, bao gồm các thiết bị, máy móc nhà xưởng.
- Con người là thành phần kỹ năng và tay nghề, liên quan đến kinh nghiệm nghề nghiệp của từng người hoặc nhóm người.
- Thành phần thông tin liên quan tới các bí quyết, quy trình, phương pháp, dữ liệu vv...
- Thành phần tổ chức thể hiện trong bố trí sắp xếp, quản lý và điều phối.

Mọi con người tham gia guồng máy công nghiệp hoá đều phải có trình độ văn hoá chuyên môn; tuy nhiên công nghiệp hoá không tách hẳn thành hệ thống khép kín, mà hoà vào đời sống xã hội và văn hoá xã hội.

Công nghiệp hoá đòi hỏi nền giáo dục cao. Giáo dục là nơi dự trữ người cho công nghiệp hoá, nơi cung cấp công nhân, kỹ sư, nhà quản lý... cho công nghiệp hoá. Vì vậy muốn công nghiệp hoá phải trông chờ vào giáo dục. Giáo dục phải bao gồm cả giáo dục xã hội và giáo dục gia đình.

Công nghiệp hoá yêu cầu các lĩnh vực sáng tạo văn hoá nghệ thuật cần có cố gắng thích nghi với nó.

Lois sống trong công nghiệp hoá cũng phải có những đổi mới, không chấp nhận phong cách "tiểu nông", lè mê, tự do, tùy tiện.

Đạo đức nhân phẩm của con người cũng phải thích nghi với công nghiệp hoá. Công nghiệp hoá mang lại nhiều sản phẩm, thu nhập cao, sẽ khác với thời kỳ trước; tuy nhiên không khuyến khích hình thành xã hội tiêu thụ; đề cao tình thân nhân bản tương thân tương ái của truyền thống cộng đồng.

c. Bản sắc văn hoá mang dạng tiềm ẩn. Nó chỉ bộc lộ thông qua các sắc thái khác nhau của đời sống vật chất hay tinh thần phong phú của dân tộc. Đó là cốt cách, thần thái, sức sống, bản lĩnh của mỗi dân tộc.

Trước hết là ngôn ngữ (tiếng nói có chữ viết) là đặc trưng cơ bản, mang đậm tinh thần và tâm hồn dân tộc. Đối với quốc gia đa dân tộc, thì song ngữ (hay đa ngữ) và đa văn hoá là phương thức phát triển phù hợp nhất.

Bản sắc văn hoá được nhận biết qua tri thức tích lũy hàng nghìn năm, con người thích ứng hoà điệu với môi trường, với trình độ kỹ thuật để tạo ra cuộc sống vật chất như ăn mặc, ở, các vật dụng cho sinh hoạt, các phương tiện giao thông, thông tin... Ngày nay trên cả ba phương diện đã có những biến đổi: môi trường thiên nhiên bị thu hẹp do tăng dân số, mất rừng mất đất; về kỹ thuật đã thay đổi từ một nền văn hoá dựa trên nền tảng thủ công, văn minh nông nghiệp sang nền văn minh công nghiệp, từ tình trạng tương đối khép kín sang mở cửa giao lưu quốc tế, thông tin nhanh nhạy, tất yếu cái bản sắc vốn có trước đây sẽ thay đổi. Lĩnh vực thay đổi sớm nhất là văn hoá vật thể: nhà ở, quần áo, phương tiện đi lại vv...

Về nhà cửa, trong tương lai có thể nhà sàn sẽ không còn nữa, hiện tượng bê tông hoá, ngói hoá sẽ phổ biến. Điều đó tốt hay không tốt? Chúng ta không thể giữ cái bản sắc cũ, khi điều kiện sống đã thay đổi. Điều chắc chắn là bản sắc văn hoá trong nhà cửa chỉ còn tồn tại ở những kiến trúc công cộng hay tôn giáo: nhà rông, nhà mồ, đền, miếu, đình chùa vv... Đó là xu hướng biến đổi mà ý muốn chủ quan không thể đảo ngược được.

Về quần áo, trang phục trong điều kiện công nghiệp hoá hiện đại hoá, cuộc sống dồn dập diễn ra hàng ngày, đòi hỏi trang phục phải gọn, đơn giản, luôn đổi mới. Do đó những trang phục cầu kỳ của các cô gái Dao hay Hmông may thêu hàng năm mới xong, sẽ không còn thích hợp nữa. Chúng ta đã chứng kiến các dân tộc thiểu số vùng thấp mặc Âu hoá hay Kinh hoá, sẽ đến lúc chúng ta chứng kiến sự thay đổi đó đối với các dân tộc vùng cao. Trang phục cổ truyền chỉ có thể tồn tại dưới dạng lễ phục: tôn giáo, hội hè, ngày tết và các đám cưới. Hoặc trang phục dân tộc được cách tân với chất liệu vải mới, công nghệ may mới và kiểu dáng mới. Điều đó đã từng xảy ra ở bộ áo dài của phụ nữ Kinh, kết quả của sự cách tân y phục dân tộc và tiếp thu các yếu tố bên ngoài.

Cũng tương tự như vậy, về ăn, phương tiện đi lại cũng sẽ biến đổi theo xu hướng chung của quá trình phát triển kinh tế xã hội ở đất nước ta.

Lĩnh vực biến đổi chậm hơn, giữ gìn bản sắc dân tộc của văn hoá một cách lâu dài có lẽ là văn hoá phi vật thể. Lòng nhân ái vị tha, tính cộng đồng chặt chẽ tương thân tương ái trong gia đình, dòng họ, làng bản, dân tộc, quốc gia là những giá trị mang tính vĩnh hằng. Những giá trị văn hoá tinh thần này gần

gũi với lý tưởng, ước mơ xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trong tương lai. Trong sự nghiệp đổi mới đất nước, bảng thang giá trị đang từng bước xuất hiện trên cơ sở kế thừa và phát triển những giá trị văn hoá dân tộc, kết hợp với sự tiếp thu tinh hoa văn hoá của nhân loại. Thang giá trị mới bao gồm: Loại giá trị thể hiện sự làm chủ của nhân loại, loại giá trị đạo đức và nhân phẩm cá nhân, loại giá trị trong quan hệ giữa con người và thiên nhiên vv... Ý thức cộng đồng của dân tộc Việt Nam thể hiện ở gia đình, làng và nước. Giữ gìn bản sắc dân tộc là bảo vệ và xây dựng gia đình văn minh, tránh được hiện tượng đổ vỡ của nhiều gia đình như một số nước công nghiệp phát triển hiện nay. Làng xã là nơi con người quan hệ mật thiết với nhau trong mọi lĩnh vực của cuộc sống. Làng truyền thống có hương ước hay luật tục đề ra những quy tắc ứng xử xã hội. Một xã hội văn minh, lành mạnh tươi vui phải bắt đầu từ đây. Phép nước, lệ làng và lòng dân gặp nhau, thực chất đó là quyền làm chủ thực sự của nhân dân. Xây dựng gia đình văn hoá, làng văn hoá là bảo vệ và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc.

Đi đôi với môi trường xã hội, văn hoá luôn gắn với môi trường thiên nhiên. Vì vậy bảo vệ môi trường thiên nhiên là vấn đề rất lớn, một mặt là bảo vệ cái nôi của sự sống của cộng đồng, của dân tộc và nhân loại; mà cũng có nghĩa là bảo vệ bản sắc văn hoá dân tộc.

d. Bản sắc văn hoá của mỗi dân tộc chỉ có thể bảo tồn và phát huy trong bản thân đời sống dân tộc. Bảo tồn "tinh" trong sách vở, bảo tàng, phim ảnh là cần thiết. Tuy nhiên cách bảo tồn có hiệu quả nhất là nuôi dưỡng truyền thống văn hoá trong đời sống cộng đồng của từng dân tộc để nó tiếp tục nảy sinh, biến đổi, phát triển như nó vốn có trong lòng mỗi dân tộc. Các hình thức ca múa nhạc dân tộc, cần được duy trì sinh hoạt trong cộng đồng làng xã, phải tiếp tục thoả mãn nhu cầu tự thể hiện mình, nhu cầu sáng tạo đồng thời là nhu cầu hưởng thụ. Giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc không phải là "cất giữ" trong các kho lưu trữ; phát huy không chỉ là "phát triển" "nâng cao" để biểu diễn giới thiệu với nước ngoài.

*

* *

Từ sự phân tích trên đây, chúng tôi xin nêu ra một số kiến nghị:

1. Kế thừa các giá trị tinh thần truyền thống các di sản văn hoá tốt đẹp của các dân tộc, lấy đó làm cơ sở tinh thần để chọn lựa các giá trị mới của thời đại. Tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại phù hợp với truyền thống văn hoá dân tộc. Biến cái "ngoại sinh" thành cái "nội sinh" qua màng lọc văn hoá dân tộc để đổi mới bản sắc văn hoá dân tộc. Chủ động chống lại ảnh hưởng tiêu cực phản động của văn hoá ngoại lai. Bù đắp những thiếu hụt của các giá trị văn hoá

truyền thống tạo ra những giá trị mới để làm giàu bản sắc, hiện đại hoá bản sắc văn hoá dân tộc, cùng với quá trình hiện đại hoá, công nghiệp hoá đất nước.

2. Đẩy mạnh việc nghiên cứu, tổng kết kê đánh giá các giá trị văn hoá dân tộc; khẳng định những giá trị cần giữ gìn phát huy, các yếu tố lạc hậu cần loại bỏ. Trên cơ sở đó, có những biện pháp hữu hiệu bảo vệ và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống. Các giải pháp có thể là:

- Xây dựng các đạo luật bảo vệ văn hoá dân tộc, di sản của quá khứ (hoặc Luật Dân tộc).

- Xây dựng các chính sách chế độ mang tính pháp quy, chỉ đạo các cấp các ngành bảo vệ từng loại di sản văn hoá dân tộc.

- Đầu tư ngân sách, tổ chức bảo vệ tôn tạo các di tích văn hoá tiêu biểu đã được xếp hạng.

3. Phục hồi và tổ chức tốt các lễ hội truyền thống tốt đẹp của các dân tộc, nhằm xây dựng đời sống văn hoá tinh thần cho nhân dân. Xây dựng các quy chế và thiết chế về lễ hội (âm trâu, lồng tống, cấp sắc, katê, ghe ngo vv...).

4. Phục hồi các luật tục, hương ước trên tinh thần đổi mới, nhằm kết hợp chặt chẽ giữa luật tục và luật pháp, nâng cao ý thức pháp luật và tăng cường quản lý xã hội, giữ gìn kỷ cương phép nước, bảo vệ môi trường ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số... Xây dựng làng văn hoá mới, quy ước về nếp sống văn minh, chủ yếu xoay quanh 3 vấn đề:

- Tang ma vệ sinh văn minh.

- Cưới hỏi vui tương, tiết kiệm

- Kế hoạch hoá gia đình

5. Xây dựng gia đình văn hoá mới vừa kế thừa truyền thống vừa đổi mới. Đối với các gia đình mẫu hệ, việc chia nhỏ thành gia đình cá thể phải giữ gìn được tính cố kết, hợp tác giúp đỡ lẫn nhau của gia đình lớn. Đối với các gia đình nhỏ tách ra từ gia đình lớn phụ hệ, phải nghiên cứu đưa ra phương thức giải quyết việc chăm lo những người già trong gia đình. (Bản thân gia đình lớn cũng có những mặt hợp lý, nhất là chăm sóc người già). Cần xây dựng được thiết chế về gia đình, quy định rõ trách nhiệm các thành viên trong gia đình.

6. Quy định rõ trách nhiệm của các phương diện thông tin đại chúng chúng trong việc bảo vệ và phát huy bản sắc dân tộc. Tăng cường số lượng và chất lượng các buổi phát thanh, truyền hình bằng tiếng dân tộc. Cải tiến nội dung nói chuẩn xác, phù hợp với tâm lý đồng bào để thu hút được các dân tộc. Các phương tiện thông tin đại chúng phải có chương trình và kế hoạch giáo dục ý

thức bảo vệ và phát huy văn hoá dân tộc, đấu tranh chống lại những vi phạm đối với văn hoá dân tộc. Không được đưa lên mặt báo, truyền hình, làn sóng phát thanh, tranh tuyên truyền, biển quảng cáo vv... trái với phong tục tập quán, đạo lý của các dân tộc; hoặc thương mại hoá kiểu giới thiệu chợ tình, các tập quán lạc hậu từ xa xưa mà nay không còn nữa.

7. Đưa nội dung bảo vệ và phát huy văn hoá dân tộc vào chương trình giáo dục từ mẫu giáo đến đại học. coi trọng việc giảng dạy các môn văn hoá, dân tộc học, lịch sử vv.. trong các cấp học, trường học.

8. Tổ chức rộng rãi phong trào văn nghệ quần chúng, khuyến khích quần chúng tự thể hiện mình qua sáng tác biểu diễn ca múa nhạc dân tộc, xây dựng đời sống văn hoá vui tươi lành mạnh từ cơ sở.

9. Sưu tầm và giới thiệu văn hoá dân gian của các dân tộc trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam. Xây dựng các làng văn hoá dân tộc, bảo tàng dân tộc học tại thủ đô và các thành phố lớn. Có chế độ khuyến khích thanh niên đi vào các ngành nghệ thuật dân tộc. Có chính sách ưu đãi các nghệ nhân, bởi chính họ đóng vai trò quan trọng trong việc chuyển giao các giá trị tinh thần của dân tộc cho thế hệ trẻ.

10. Phát triển kinh tế, văn hoá, du lịch tác động lẫn nhau nhằm bảo vệ văn hoá dân tộc.

Chú thích

(1) Đảng CS Việt Nam, *Nghị quyết hội nghị BCHTW lần thứ 4, khoá 7*, HN. 1993. Tr.54.

VĂN HOÁ CỦA NGƯỜI HMÔNG... (tiếp theo trang 20)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bế Viết Đăng: Dân tộc Mèo trong cuốn "Các dân tộc ít người ở Việt Nam" (các tỉnh phía Bắc) Nxb KHXH, Hà Nội, 1978, tr. 295
2. Vương Duy Quang: *Quan hệ dòng họ trong xã hội người Hmông*. TC DTH. Số 2, 1987, tr. 74
3. Đỗ Thuý Bình: *Gia đình Hmông trong bối cảnh kinh tế - xã hội hiện nay*. TCDTH, số 2 - 1992, tr. 35.
4. Lê Ngọc Quyên: *Một vài đặc điểm về nhà ở của người Hmông*, TCDTH. Số 2 - 1993, tr. 41.
5. Phạm Quang Hoan: *Vai trò của các thiết chế xã hội truyền thống trong việc quản lý nguồn tài nguyên cộng đồng của người Hmông*. TCDTH, số 2 - 1994, tr. 43 - 53.
6. Cư Hoà Vân - Hoàng Nam: *Dân tộc Mông ở Việt Nam*. Nxb VH DT, Hà Nội, 1994.
7. Khổng Diễn : *Dân số và dân số tộc người ở Việt Nam*. Nxb KHXH, Hà Nội, 1995.
8. *Đặc trưng văn hoá và truyền thống cách mạng các dân tộc ở Kỳ Sơn - Nghệ An*. Nxb. CTQG, Hà Nội, 1995.